

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO RHM

120 CÂU HỎI THI TUYỂN BÁC SĨ NỘI TRÚ NĂM 2014
Chuyên ngành Nha khoa
(Thời gian làm bài: 30 phút/ câu hỏi)

1. Trình bày chỉ định lâm sàng của các loại phim trong miệng.
2. Trình bày nguyên lý của kỹ thuật chụp phim toàn cảnh panorama, nêu các chỉ định lâm sàng và kể tên các lỗi kỹ thuật thường gặp phát hiện được trên phim toàn cảnh
3. Trình bày kỹ thuật chụp phim cận chóp theo nguyên tắc phân giác và song song (vẽ hình minh họa). Nêu các chỉ định chính của chụp phim cận chóp.
4. Trình bày cấu tạo giải phẫu khớp thái dương hàm.
5. Trình bày mô học mặt khớp thái dương hàm.
6. Hãy trình bày chức năng nhai trong hệ thống nhai.
7. Hãy trình bày cấu tạo và cách sử dụng càng nhai Quick Master serie 4 loại B2.
8. Hãy trình bày tương quan trung tâm và khớp cắn trung tâm.
9. Hãy trình bày quá trình hình thành nụ biểu bì mầm răng sữa và răng vĩnh viễn.
10. Hãy trình bày đặc điểm lâm sàng và mô học niêm mạc môi má, sàn miệng và bụng lưỡi.
11. Hãy so sánh đặc điểm cơ bản, cách sử dụng GIC – (Glassionomer cement) với Polycarboxylate Cement.
12. Hãy trình bày thành phần, cách phân loại và sử dụng Composite trong thực hành nha khoa.
13. Trình bày yêu cầu của vật liệu trám bít ống tủy. Nêu thành phần cơ bản, đặc tính của Gutta Percha.
14. Hãy trình bày thành phần cơ bản và cơ chế kết dính của GIC (Glass Ionomer Cement)
15. So sánh đặc điểm giải phẫu các răng cửa hàm trên với các răng cửa hàm dưới của hàm răng vĩnh viễn,
16. So sánh đặc điểm giải phẫu các răng hàm nhỏ hàm trên với các răng hàm nhỏ hàm dưới của hàm răng vĩnh viễn.
17. So sánh đặc điểm giải phẫu răng hàm lớn thứ nhất (răng số 6) hàm trên với răng hàm lớn thứ nhất hàm dưới.
18. Nêu những khác biệt chủ yếu về đặc điểm giải phẫu giữa hàm răng sữa và hàm răng vĩnh viễn.
19. Phân loại vật liệu lấy dấu. Nêu các đặc tính cơ bản của chất lấy dấu.
20. Nêu các cách phân loại hợp kim nha khoa.
21. Nêu sự khác nhau trong thành phần hóa học của sứ nha khoa và sứ dân dụng. Vì sao lại có sự khác nhau đó?

22. Vai trò của dinh dưỡng đối với bệnh răng miệng và ảnh hưởng của nó đối với bệnh quanh răng .
23. Trình bày liên quan giữa dinh dưỡng và nhiễm trùng răng miệng.
24. Trình bày tỉ lệ, sự phân bố, vi khuẩn học, bệnh sâu chân răng người già và cách phòng bệnh .
25. Trình bày sự thay đổi của khoang miệng, răng, các tổ chức khác có liên quan tới bệnh quanh răng ở người già.
26. Trình bày các phương pháp dự phòng bệnh sâu răng bằng Flour theo đường tại chỗ.
27. Dự phòng sâu răng cho cá nhân (phân loại mức độ nguy cơ sâu răng, kế hoạch dự phòng).
28. Trình bày kỹ thuật hàn răng không sang chấn cho lỗ hàn loại II.
29. Trình bày những nội dung chính của công tác nha học đường
30. Trình bày các hình thức tổ chức nha học đường, công việc tổ chức một phòng khám chữa răng cụ thể cho học sinh tại trường học và nhiệm vụ của nó
31. Kể tên các phương pháp dự phòng sâu răng bằng Flour? Phân tích Flour hóa nước cấp ở cộng đồng.
32. Trình bày các nguyên tắc tuyên truyền giáo dục sức khỏe răng miệng?
33. Hãy trình bày chiến lược phổ cập dự phòng bệnh răng miệng.
34. Hãy trình bày về chỉ số sâu mất trám răng.
35. Hãy trình bày về chỉ số CPITN.
36. Hãy kể tên các loại khí cụ được sử dụng để dự phòng chấn thương răng miệng trong thể thao? Phân tích ưu nhược điểm của các loại khí cụ
37. Trình bày các điểm chuẩn, mặt phẳng tham chiếu trên phim sọ nghiêng
38. Trình bày cách khám bệnh nhân nắn chỉnh răng .
39. Trình bày phương pháp phân tích phim theo Steiner.
40. Trình bày phương pháp chẩn đoán bệnh nhân nắn chỉnh răng .
41. Trình bày tiêu chuẩn và hạn chế của phim sọ nghiêng, các điểm chuẩn trên phim sọ nghiêng.
42. Trình bày các yếu tố ảnh hưởng đến sự tăng trưởng, tiên lượng sự tăng trưởng và ý nghĩa của sự tăng trưởng.
43. Trình bày những nguyên nhân đặc thù gây lệch lạc khớp cắn.

44. Trình bày triệu chứng lâm sàng, chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt và hướng điều trị viêm tủy có hồi phục
45. Trình bày nguyên nhân và đặc điểm lâm sàng tổn thương tiêu cổ răng.
46. Trình bày cơ chế bệnh sinh, phân loại tiêu chân răng và đặc điểm lâm sàng tổn thương nội tiêu.
47. Trình bày nguyên nhân và đặc điểm nhiễm màu răng tetracycline.
48. Trình bày chỉ định, chống chỉ định và kỹ thuật tẩy trắng răng sống tại phòng khám.
49. Trình bày nguyên nhân nội sinh và cơ chế đổi màu răng.
50. Trình bày chỉ định, chống chỉ định của tẩy trắng răng và các bước kỹ thuật tẩy trắng răng chết tủy.
51. Trình bày triệu chứng lâm sàng, chẩn đoán phân biệt và hướng điều trị của viêm tủy ngược dòng.
52. Trình bày kỹ thuật trám bít ống tủy bằng phương pháp lèn dọc nóng

53. Trình bày kỹ thuật tạo hình ống tủy bằng phương pháp bước lùi và bước xuống (step back & crown down).
54. Trình bày triệu chứng, chẩn đoán và điều trị bệnh viêm quanh cuống cấp tính.
55. Trình bày kỹ thuật trám bít ống tủy bằng phương pháp lèn ngang lạnh.
56. Nêu 5 nguyên tắc cơ học của Schindler
57. Trình bày triệu chứng và chẩn đoán bệnh sâu răng.
58. Trình bày phương pháp điều trị sâu răng.
59. Trình bày các yếu tố vật lý, hóa học, nhiễm trùng gây nên bệnh lý tủy răng.
60. Trình bày các phương pháp điều trị mòn răng- răng
61. Trình bày các kỹ thuật xác định chiều dài làm việc ống tủy.
62. Trình bày triệu chứng lâm sàng, chẩn đoán phân biệt và hướng điều trị viêm tủy không hồi phục.
63. Trình bày triệu chứng lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị viêm quanh cuống mạn tính.
64. Chẩn đoán phân biệt viêm lợi loét hoại tử với viêm lợi miệng Herpes và viêm quanh răng loét hoại tử
65. Các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của viêm quanh răng mạn tính (viêm quanh răng tiến triển chậm)
66. Phân loại túi lợi (túi quanh răng) và tổn thương chẽ của răng nhiều chân.
67. Trình bày triệu chứng và điều trị viêm lợi loét hoại tử.
68. Trình bày cơ chế tác dụng kháng khuẩn, các tác dụng phụ của Chlorhexidine và các dạng sử dụng lâm sàng của chlorhexidine.
69. Trình bày phì đại lợi do thuốc.
70. Trình bày các yếu tố thuận lợi của viêm lợi mạn tính do mảng bám răng.
71. Trình bày định nghĩa, phân loại và thành phần mảng bám răng
72. Trình bày định nghĩa, phân loại, chỉ định của nạo lợi, phương pháp nạo lợi cơ bản
73. Trình bày kế hoạch điều trị bệnh vùng quanh răng. Các phương pháp cố định răng trong điều trị bệnh viêm quanh răng
74. Trình bày đặc điểm răng miệng người già và kế hoạch điều trị bệnh quanh răng ở người già
75. Trình bày quá trình hình thành mảng bám, cao răng và phân biệt với các chất bám trên bề mặt răng.
76. Trình bày triệu chứng lâm sàng, biến chứng và điều trị viêm quanh thân răng khôn hàm dưới cấp.
77. Trình bày các khó khăn về giải phẫu và sinh lý khi sử dụng thuốc đặt trong túi lợi, trình bày tác dụng của Tetracycline HCl khi đặt trong túi lợi.
78. Trình bày phương pháp nạo lợi bằng lưỡi dao kết hợp cây nạo nha chu, phân tích sự khác biệt với phương pháp sử dụng cây nạo nha chu đơn thuần.
79. Trình bày giải phẫu và cấu trúc mô học của lợi .
80. Trình bày giải phẫu đại thể và cấu trúc mô học của xương ổ răng .
81. Trình bày đặc điểm lâm sàng 3 dạng sâu răng thường gặp ở trẻ em.
82. Trình bày các di chứng của chấn thương răng trên răng sữa và mầm răng bên dưới.

83. Chẩn đoán, điều trị bệnh viêm lợi miệng Herpes nguyên phát ở trẻ em.
84. Trình bày nguyên lý, chỉ định và chống chỉ định của kỹ thuật sinh chóp răng khi điều trị các răng vĩnh viễn chưa đóng chóp .
85. Trình bày các giai đoạn sinh lý của răng sữa và phác đồ điều trị tủy răng sữa theo Demar và Fortier.
86. Trình bày phân loại chấn thương răng theo Garcia-Godoy và kế hoạch điều trị chấn thương răng trẻ em
87. Trình bày chẩn đoán và điều trị bệnh viêm lợi do mọc răng và niêm mạc miệng cấp do nấm Candida ở trẻ em.
88. Trình bày các phương pháp vệ sinh răng miệng cho trẻ em lứa tuổi 3 – 6 (giai đoạn trước tuổi đến trường) và lứa tuổi 6 – 12 (giai đoạn thiếu nhi).
89. Trình bày triệu chứng lâm sàng, Xquang và hướng điều trị hội chứng vách và hội chứng kẽ ở răng sữa.
90. Trình bày được mục đích, chỉ định, chống chỉ định của phương pháp lấy tuỷ buồng ở răng sữa.
91. Trình bày chỉ định – chống chỉ định và ưu – nhược điểm của hàm giả tháo lắp từng phần nền nhựa.
92. Kể tên các loại móc dùng trong hàm giả tháo lắp từng phần nền nhựa. Mô tả các thành phần của móc đơn dây tròn một tay, vị trí các thành phần đó đối với răng mang móc và cách uốn móc.
93. Trình bày phân loại mất răng theo Kennedy; Kennedy-Applegate và Kourliandsky. Phân tích ưu, nhược điểm của từng cách phân loại.
94. Mô tả và trình bày chỉ định của các nối chính hàm khung ở hàm trên: bản khẩu cái, bản hình chữ U.
95. Mô tả và trình bày chỉ định của các nối chính hàm khung ở hàm trên: bản hình chữ U biến đổi, bản toàn bộ
96. Mô tả và trình bày chỉ định của các nối chính hàm khung ở hàm dưới: thanh lưỡi, bản lưỡi
97. Phân tích các yêu cầu cần có của móc đúc trong hàm khung. Mô tả và nêu chỉ định của móc Akers.
98. Phân tích các yêu cầu cần có của móc đúc trong hàm khung. Mô tả và nêu chỉ định của móc R.P.I
99. Trình bày các phương pháp tăng sự bám dính của phục hình tháo lắp toàn hàm trên khi sống hàm tiêu nhiều
100. Đo căn trung tâm bệnh nhân phục hình tháo lắp toàn bộ có rối loạn chuyển động hàm dưới
101. Các phương pháp lấy khuôn sơ khởi.
102. Kể tên và mô tả các loại phục hình răng cố định
103. Trình bày chỉ định và chống chỉ định làm chụp Jacket; Mô tả các bước mài răng làm chụp Jacket.
104. Trình bày chỉ định – chống chỉ định, ưu điểm và nhược điểm của chụp kim loại toàn phần.
105. So sánh ưu nhược điểm của 3 loại chụp: chụp kim loại toàn phần, chụp Jacket và chụp 2 thành phần.

106. Mô tả các loại đường hoàn tất và nêu vai trò của đường hoàn tất.
107. Trình bày các bước lâm sàng (trên miệng) làm răng trụ Richmond với kỹ thuật lấy khuôn gián tiếp.
108. Nêu định nghĩa, chỉ định và chống chỉ định làm răng trụ .
109. Trình bày các phương pháp dự phòng và thực hiện để bảo tồn sự sống cho tủy răng trụ trong làm cầu răng.
110. Trình bày chỉ định và chống chỉ định làm cầu răng .
111. Phân tích các yếu tố để đánh giá răng trụ khi làm cầu răng.
112. Trình bày các yếu tố thuận lợi và không thuận lợi ảnh hưởng tới việc làm hàm giả tháo lắp từng phần nền nhựa.
113. Trình bày phân loại mất răng theo Kennedy; Kennedy-Applegate và các nguyên tắc để phân loại
114. Trình bày các bước kỹ thuật đo tương quan hai hàm (đo cắn) trong làm hàm giả tháo lắp từng phần nền nhựa.
115. Kể tên các bước chuẩn bị trên miệng bệnh nhân trong làm hàm khung và trình bày kỹ thuật mài ô tựa mặt nhai.
116. Trình bày khái niệm vật giữ gián tiếp, các dạng vật giữ gián tiếp và vị trí thiết kế vật giữ gián tiếp trong hàm khung.
117. Kể tên các loại tựa của hàm khung và trình bày các yêu cầu của một ô tựa mặt nhai.
118. Nêu các cơ sở phân loại nhíp cầu răng và trình bày các loại nhíp cầu răng theo hình thể.
119. Trình bày các thành phần của cầu răng.
120. Trình bày chỉ định, chống chỉ định, ưu điểm và nhược điểm của cầu răng dán.

Tổng số có 120 câu hỏi./.

**KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

Nguyễn Mạnh Hà